

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2019/HS-PT

Ngày: 18 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 92/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Thị D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị D, sinh năm 1972 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số x, A, tổ x, Khóm x, Phường x, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); có chồng là Trần Văn C và có 02 con đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thị D là người giúp việc nhà cho chị Ngô Thị Huyền T từ tháng 9/2018.

Sáng ngày 17/10/2018, do thiếu nợ nhiều người nên bị cáo D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo D cùng chị T đến Công ty bán máy nông cụ T để giữ con cho chị T. Lúc này, bị cáo D nhặt 01 đoạn sắt dẹp dài khoảng 15cm cất giấu trong người để làm công cụ trộm cắp tài sản, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì chị T và bị cáo D về nhà. Chị T kêu bị cáo D lên phòng ngủ tại lầu 1 của chị T thay áo gối, bị cáo D lên thay áo gối xong thì dùng thanh sắt nạy phía sau tủ T điểm bằng gỗ rồi đưa tay vào mở túi vải trong ngăn tủ lấy trộm 03 lượng vàng SJC trên mặt có chữ Saigon Jewelry Company, SJC ròng vàng 9999 Fine gold để vào túi áo phải cất giữ. Bị cáo D xuống gặp chị T xin nghỉ việc 02 ngày để lo công việc gia đình, chị T đồng ý.

Sáng ngày 18/10/2018, bị cáo D mang 01 lượng vàng trộm được đến tiệm vàng Thanh T bán cho anh Trần Thanh T là chủ tiệm vàng được 36.500.000 đồng. Bị cáo D lấy 8.000.000 đồng chuộc vàng nữ trang trước đó cầm cố tài sản cho anh T, trả nợ cho một người tên T1 24.000.000 đồng, T2 2.000.000 đồng (đều không rõ nhân thân), còn lại 2.500.000 đồng bị cáo D cất giữ.

Chị T phát hiện mất tài sản nên trình báo Công an Phường x, thành phố C. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C mời bị cáo D về làm việc và bị cáo D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 02 thỏi kim loại màu vàng, hình chữ nhật, trên mặt có chữ Saigon Jewelry Company, SJC ròng vàng 9999 Fine gold; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, nhẫn trơn, mặt trong có chữ THANH TUAN, 2C 9999; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, nhẫn trơn, mặt trong có chữ THANH TUAN, 1C 9999; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có hoa văn, đính hột trắng; tiền Việt Nam 9.710.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 109/KL-ĐGTS ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C, kết luận định giá tài sản: 01 miếng kim loại hình chữ nhật, vàng SJC có đặc điểm mặt trước có ghi Saigon Jewelry Company, SJC ròng vàng 9999 Fine gold, trọng lượng 37,5garm, có giá 36.660.000 đồng x 03 miếng = 109.980.000 đồng.

Cơ quan điều tra trả lại cho chị T 02 miếng kim loại hình chữ nhật (02 lượng vàng), vàng SJC có đặc điểm mặt trước có ghi Saigon Jewelry Company, SJC ròng vàng 9999 Fine gold, trọng lượng mỗi miếng là 37,5garm vào ngày 16/12/2018 và bị cáo D đã bồi thường cho chị T 01 lượng vàng SJC 9999, chị T không yêu cầu bồi thường gì khác và làm đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự.

Đối với 01 đoạn sắt dẹp dài khoảng 15cm, bị cáo D đã ném bỏ vào thùng rác, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy.

Ngày 14/12/2018 Cơ quan điều tra trả lại cho bị cáo D 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, nhẫn trơn, mặt trong có chữ THANH TUAN, 2C 9999; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, nhẫn trơn, mặt trong có chữ THANH TUAN, 1C 9999;

01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, trên mặt có hoa văn, đính hột trắng; tiền Việt Nam 9.710.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị D 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15/3/2019, bị cáo Phạm Thị D kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo. Ngày 13/6/2019 có đơn xin giảm hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo D bổ sung kháng cáo giảm hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức án 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo D là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Bị cáo D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, án sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D dưới khung hình phạt liên kề là thỏa đáng. Nên căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt, cho hưởng án treo của bị cáo Phạm Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo D phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/10/2018 tại nhà ở số 238 đường H, tổ x, Khóm x, Phường x, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp của bị hại Ngô Thị Huyền T, bị hại nhờ bị cáo D lên phòng ngủ tại lầu 1 thay áo gối, thay áo gối xong bị cáo D dùng thanh sắt nạy phía sau tủ trang điểm bằng gỗ rồi đưa tay vào mở túi vải trong ngăn tủ lấy trộm 03 miếng kim loại hình chữ nhật, vàng SJC, mặt trước có chữ Saigon Jewelry Company, SJC ròng vàng 9999 Fine gold, mỗi miếng trọng lượng 37,5 gram có

giá 36.660.000 đồng x 3 = 109.980.000 đồng; Ngày 18/10/2018 bị cáo D bán 01 miếng vàng SJC (01 lượng vàng) và cùng ngày bị cáo D giao nộp 02 miếng vàng SJC (02 lượng vàng) còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C. Nên Hội đồng xét xử đủ căn cứ khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại với giá trị 109.980.000 đồng, thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định là có căn cứ. Xét thấy mức án 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Bị cáo D kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không cung cấp tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Về việc bị cáo D xin hưởng án treo, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D không được chấp nhận, nên bị cáo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND – VKSND tp. C;
- CCTHADS tp. C;
- Cơ quan CSĐT Công an tp. C;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng